

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nhân thân: ngày 17/5/2024 bị Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai) xử phạt 120.000.000 đồng về hành vi “*Trốn thuế*”, đã chấp hành xong hình phạt tiền vào ngày 27/6/2024.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/5/2023 đến ngày 12/01/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại; vắng mặt.

2. Lê Đình V, sinh ngày 02/6/1982 tại V, Bắc Giang; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: 2 Đ, tổ C, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là 2 Đ, tổ C, phường H, tỉnh Gia Lai); nghề nghiệp: Đăng kiểm viên - Phó Giám đốc Trung tâm Đ1 thuộc Công ty TNHH Đ2; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; CCCD số: 024082013361, cấp ngày 28/6/2021; con ông Lê Anh Đ (đã chết) và bà Lê Thị D; vợ là Phạm Thị M, có 02 con sinh năm 2012 và sinh năm 2015; tiền án: không, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/5/2023 đến ngày 25/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

- ***Người bào chữa cho bị cáo*** Trần Văn L2: ông Đoàn Anh Phương V1, Luật sư thuộc Văn phòng L3, Đoàn Luật sư Thành phố H;

Địa chỉ: tầng A - Phòng A – Tòa nhà HM, số D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- ***Người bào chữa cho bị cáo*** Lê Đình V: ông Vũ Quang K, Luật sư thuộc Công ty L4, Đoàn Luật sư tỉnh G;

Địa chỉ: 8 Bà T, phường P, tỉnh Gia Lai; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 134 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác nhưng không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trung tâm đăng kiểm 81-05D thuộc Công ty TNHH Đ2 (có trụ sở tại Lô S, Cụm C, thôn C, xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai) do Trần Minh L làm Giám đốc, hoạt động từ ngày 06/8/2020. Để tăng doanh thu cho Trung tâm đăng kiểm 81-05D, Trần Minh L đã đồng ý nhận nghiệm thu, đăng kiểm các phương tiện cơ giới đường bộ sau khi các chủ xe tự cải tạo nhưng không có hồ sơ thiết kế cải tạo theo quy định của pháp luật. Trong năm 2021 và năm 2022, Trần Minh L và Lê Đình V - Phó Giám đốc Trung tâm Đ1 đã nhận tiền của các chủ xe, lái xe và người môi giới bằng hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng B1 số 62010000875298 và tài khoản ngân hàng V3 số 0291000263344 của Trần Minh L, tài khoản ngân hàng M2 số 7996979979979 của Lê Đình V để thực hiện việc mua hồ sơ thiết kế cải tạo không của một số công ty có chức năng thiết kế, thi công cải tạo phương tiện cơ giới đường bộ tại thành phố Hà Nội để hợp thức làm thủ tục nghiệm thu, kiểm định cho các phương tiện tự cải tạo không có hồ sơ thiết kế.

Theo quy định tại Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ G quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thì việc thi công cải tạo xe cơ giới phải được thực hiện tại các cơ sở cải tạo có kinh doanh ngành nghề thi công cải tạo, sản xuất, lắp ráp xe cơ giới theo quy định của pháp luật; phải thực hiện theo đúng thiết kế đã được thẩm định, đảm bảo các yêu cầu về chất lượng cải tạo xuất xưởng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; xe cơ giới sau thi công phải được cơ sở cải tạo kiểm tra đảm bảo chất lượng sản phẩm, kết quả kiểm tra được lập thành biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo. Thành phần tham gia nghiệm thu xe cơ giới cải tạo gồm Đăng kiểm viên và đại diện cơ sở cải tạo xe. Tuy nhiên, các chủ phương tiện tự cải tạo hoặc thuê các Garage tại địa phương để tiến hành thi công cải tạo, rồi đến liên hệ với L hoặc V để làm hồ sơ thiết kế, nghiệm thu và kiểm định. Lượng và V đã thỏa thuận với các cá nhân, chủ phương tiện có nhu cầu làm hồ sơ thiết kế, nghiệm thu và kiểm định với số tiền từ khoảng 5.000.000 đồng - 15.000.000 đồng/xe. Sau khi các chủ phương tiện gửi đầy đủ thông tin phương tiện cơ giới và thống nhất giá tiền, L và V tiến hành liên hệ mua hồ sơ thiết kế cải tạo không của Công ty TNHH D1, Công ty TNHH Ô và Công ty TNHH D2, Công ty CP D3 với giá từ 5.000.000 đồng - 8.000.000 đồng/01 hồ sơ thiết kế cải tạo để hợp thức hóa làm thủ tục nghiệm thu cải tạo, kiểm định cho các xe cơ giới đã được tự cải tạo nhưng không có hồ sơ thiết kế cải tạo. Trong đó, Trần Minh L đã nhiều lần chuyển cho Phạm Hoàng P - Phó Giám đốc Công ty cổ phần D3 tổng số tiền 324.000.000 đồng để mua 65 hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo; chuyển cho bà Lã Thu C1 - Giám đốc Công ty TNHH D1 tổng số tiền 402.522.000 đồng để mua 80 hồ sơ thiết kế thi công cải tạo. Lê Đình V đã chuyển ông Lê Đức T1 - Giám đốc Công ty TNHH D2 số tiền 150.000.000 đồng, chuyển cho bà Lã Thu C1 số tiền 18.000.000 đồng và ông Đặng Minh P1 - Phó Giám đốc Công ty TNHH D1 số tiền 1.500.000 đồng, chuyển cho Nguyễn Văn P2 Giám đốc Công ty TNHH Ô số tiền 40.000.000 đồng để mua hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo.

Quá trình điều tra xác định trong số 318 hồ sơ thiết kế thi công cải tạo xe cơ giới tại Trung tâm Đăng kiểm 81-05D, Trần Minh L đã nhận của 53 cá nhân với số tiền 776.520.000 đồng để mua 106 hồ sơ thiết kế thi công cải tạo xe cơ giới không; Lê Đình V đã nhận của 29 cá nhân với số tiền 266.000.000 đồng để mua 31 hồ sơ thiết kế thi công cải tạo xe cơ giới không, còn lại một số chủ xe không có mặt tại địa phương hoặc không nhớ đã đưa tiền cho ai không có cơ sở xác minh làm rõ. Ngoài ra, trong thời gian từ năm 2018 đến năm 2020, Lê Đình V làm Đăng kiểm viên, Phó giám đốc Trung tâm Đ4 thuộc Công ty TNHH Đ5 còn nhận số tiền 58.000.000 đồng để mua 07 hồ sơ thiết kế thi công cải tạo không làm thủ tục nghiệm thu, đăng kiểm tại Trung tâm Đ4. Cụ thể như sau:

1. Đối với bị cáo Trần Minh L: năm 2021 - 2022, Trần Minh L với vai trò là Giám đốc Trung tâm Đ1 đã nhận của 53 cá nhân với số tiền 776.520.000 đồng để mua 106 hồ sơ thiết kế thi công cải tạo xe cơ giới không, cụ thể:

- Nhận số tiền 50.000.000 đồng của Nguyễn Văn C2 để mua không hồ sơ thiết kế thi công cải tạo cho 05 xe, gồm các xe có biển kiểm soát 82H-000.40, 82H-002.73, 47C-101.93, 81H-007.04, 81C-067.17;

- Nhận số tiền 56.000.000 đồng của Ngô Quốc H để mua không hồ sơ thiết kế thi công cải tạo cho 08 xe, gồm các xe có biển kiểm soát 81B-006.15, 81B-009.77, 81F-001.19, 81B-015.32, 81B-005.03, 81F-001.04, 81B-000.66, 81B-00515;

- Nhận số tiền 276.000.000 đồng của 17 cá nhân (thông qua Phùng Tấn H1) để mua không hồ sơ thiết kế thi công cải tạo cho 46 xe, gồm các xe có biển kiểm soát 81R-004.35, 81R-004.36, 81R-006.58, 81R-003.06, 81R-004.89, 81R-000.22, 81R-003.55, 81R-005.84, 81R-006.01, 81R-001.14, 81R-000.34, 81R-005.97, 81R-000.95, 81R-001.36, 81R-009.94, 81R-008.12, 81R-000.40, 81R-008.98, 81R-001.81, 81R-001.46, 81R-009.25, 81R-004.41, 81R-004.90, 81R-004.19, 81R-005.73, 81R-002.93, 81R-009.05, 81R-000.39, 81R-000.16, 81R-002.14, 81R-000.99, 81R-002.84, 81R-000.86, 81R-001.61, 81R-003.68, 81R-001.89, 81R-004.96, 81R-004.56, 81R-000.62, 81R-002.80, 81R-000.63, 81R-002.56, 81R-005.29, 81R-005.24, 81R-003.85, 81R-007.80;

- Nhận số tiền 394.520.000 đồng của 34 cá nhân để mua không hồ sơ thiết kế thi công cải tạo cho 47 xe, gồm các xe có biển kiểm soát 81C-069.78, 81H-007.19, 81C-049.97, 81R-005.23, 81C-067.09, 51R-039.54, 51R-101.56, 51R-074.55, 51R-072.71, 51R-067.87, 51R-039.38, 51R-105.73, 51R-010.68, 81C-178.08, 81F-001.72, 81F-001.31, 81F-000.97, 81R-005.65, 81C-200.02, 81C-175.08, 81H-008.58, 81C-174.41, 81C-007.93, 81H-003.21, 81C-116.62, 81C-076.29, 81C-107.89, 81H-007.13, 81C-212.42, 76C-055.33, 79B-025.26, 81R-008.44, 81L-6364, 81B-012.04, 81B-015.54, 81R-007.15, 81H-002.31, 81C-100.45, 81C-151.86, 81C-142.40, 81C-086.52, 81C-194.25, 81C-148.55, 81F-000.57, 81H-001.54, 81B-016.84, 81B-012.19.

2. Đối với Lê Đình V: năm 2021-2022, Lê Đình V2 với vai trò là Phó giám đốc Trung tâm Đ1 đã nhận của 29 cá nhân với tổng số tiền 266.000.000 đồng để mua 31 hồ sơ thiết kế thi công cải tạo xe cơ giới không cụ thể:

- Nhận số tiền 174.500.000 đồng của 18 cá nhân để mua không hồ sơ thiết kế thi công cải tạo cho 20 xe, gồm các xe có biển kiểm soát 81C-200.97, 81H-011.99, 81C-203.75, 81R-009.91, 81C-162.99, 29C-997.75, 81C-059.36, 81C-212.32, 81C-195.61, 77H-012.59, 77C-212.19, 81B-009.59, 81F-000.11, 81B-008.10, 81C-009.52, 81R-009.38, 81C-181.73, 81H-001.51, 81C-181.13, 82R-003.74;

- Nhận số tiền 91.500.000 đồng của 11 cá nhân (thông qua Trần Xuân H2) để mua không hồ sơ thiết kế thi công cải tạo cho 11 xe, bao gồm các xe 81C-195.21, 81M-4801, 81R-000.72, 81H-002.34, 81C-195.14, 81F-001.17, 81H-010.94, 81C-158.85, 81H-009.79, 81H-005.54, 81B-015.58.

Ngoài ra, trong thời gian từ năm 2018-2020, Lê Đình V là Phó giám đốc Trung tâm Đ4 còn nhận tiền của một số cá nhân, chủ phương tiện rồi chuyển tiền cho Hoàng Xuân T2 - là cán bộ Cục Đ6 và Lã Thu C1 - Giám đốc Công ty TNHH D1 để mua không hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới để hợp thức hóa thủ tục nghiệm thu cải tạo, kiểm định cho các xe cơ giới đã được tự cải tạo nhưng không có hồ sơ thiết kế cải tạo. Tuy nhiên, do thời gian đã lâu, các cá nhân

đưa tiền cho V chủ yếu bằng hình thức tiền mặt và khi V chuyển tiền cho Hoàng Xuân T2 để mua hồ sơ thiết kế thi công cải tạo không thì V không ghi rõ thông tin cụ thể chuyển tiền để mua hồ sơ cho xe nào nên V không xác định được đã nhận tổng cộng bao nhiêu tiền để mua hồ sơ thiết kế thi công cải tạo không. Căn cứ kết quả điều tra xác minh đến nay chỉ có đủ căn cứ để xác định vào năm 2018, V đã nhận số tiền 48.000.000 đồng của Ngô Thanh P3 - Đăng kiểm viên Trung tâm Đ4 để mua 06 hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo cho 06 xe cơ giới có biển kiểm soát 81KT-0011, 81KT-0016, 81KT-0019, 81KT-0032, 81KT-0031, 81KT-0037. Năm 2020, V đã nhận số tiền 10.000.000 đồng của Nguyễn Lê Minh K1 để mua 01 hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo cho xe cơ giới có biển kiểm soát 81C-001.77.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 118/2025/HS-ST ngày 16/9/2025 của Tòa án nhân tỉnh Gia Lai đã quyết định: tuyên bố các bị cáo Trần Minh L, Lê Đình V phạm tội “*Nhận hối lộ*”.

Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 354; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Minh L 10 (M1) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 30/5/2023 đến ngày 12/01/2024.

- Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 354; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Đình V 04 (B) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 30/5/2023 đến ngày 25/12/2023.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Buộc bị cáo Trần Minh L phải nộp 776.520.000 đồng, bị cáo đã nộp đủ.

Buộc bị cáo Lê Đình V phải nộp 324.000.000 đồng, bị cáo đã nộp 100.000.000 đồng, còn phải nộp 224.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu đồng).

Tổng số tiền các bị cáo đã nộp 876.520.000 (T3 trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) được sung vào Ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/9/2025, bị cáo Trần Minh L kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt;

Ngày 29/9/2025, bị cáo Lê Đình V kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin giảm số tiền truy thu để sung ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Minh L vắng mặt; bị cáo Lê Đình V rút kháng cáo đối với phần biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử đối với phần kháng cáo của bị cáo Lê Đình V về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm cho mỗi bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16 và ngày 22/9/2025, các bị cáo Trần Minh L, Lê Đình V kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 118/2025/HS-ST ngày 16/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai; Đơn kháng cáo của các bị cáo là trong thời hạn quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Minh L vắng mặt và xin hoãn phiên toà. Tuy nhiên, bị cáo L đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo L.

Bị cáo Lê Đình V rút phần kháng cáo về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng của bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử đối với phần kháng cáo này của bị cáo Lê Đình V.

[2.]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét các nội dung sau:

[2.1]. Về tội danh:

Trung tâm đăng kiểm 81-05D thuộc Công ty TNHH Đ2 (có trụ sở tại Lô S, Cụm C, thôn C, xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai), hoạt động từ ngày 06/8/2020. Trần Minh L là Giám đốc Trung tâm (năm 2021-2022), Lê Đình V là Phó giám đốc Trung tâm (năm 2021-2022). Quá trình hoạt động, vì muốn thu lợi cho doanh nghiệp và cá nhân nên các bị cáo đã không thực hiện đúng quy định của Bộ G về quy trình cải tạo đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đã nhận tiền của các chủ phương tiện và người khác để chuyển cho các Công ty và một số cán bộ Cục Đ6 làm không và hợp thức hoá hồ sơ thiết kế, thi công cải tạo xe cơ giới, hồ sơ thẩm định đối với các xe được cải tạo tại các cơ sở không có giấy phép và đưa phương tiện đến Trung tâm Đăng kiểm 81-05D để được nghiệm thu, cấp giấy chứng nhận.

Trong năm 2021, 2022 tại Trung tâm đăng kiểm 81-05D, bị cáo Trần Minh L đã nhiều lần nhận của 53 cá nhân với tổng số tiền 776.520.000 đồng để mua 106 hồ sơ thiết kế thi công cải tạo xe cơ giới không; Lê Đình V đã nhiều lần nhận của 29 cá nhân với tổng số tiền 266.000.000 đồng để mua 31 hồ sơ thiết kế thi công cải tạo xe cơ giới không.

Ngoài ra, trong thời gian từ năm 2018 đến năm 2020, khi còn làm Đăng kiểm viên, Phó Giám đốc Trung tâm Đ4 thuộc Công ty TNHH Đ5, bị cáo Lê Đình V còn nhận số tiền 58.000.000 đồng để mua 07 hồ sơ thiết kế thi công cải tạo không.

Với hành vi và hậu quả nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm kết tội Trần Minh L, “*Nhận hối lộ*” với tình tiết định khung “*Của hối lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng*” theo điểm a khoản 3 Điều 354 của Bộ luật Hình sự; Lê Đình V “*Nhận hối lộ*” với các tình tiết định khung “*Của hối lộ là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*” và “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo đều nhận thức được việc nhận tiền để làm trái quy định của pháp luật, sử dụng hồ sơ không rồi cho đăng kiểm các phương tiện được cải tạo ở các cơ sở không có giấy phép là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích vụ lợi cá nhân, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Trong nhiều năm, các bị cáo đã lợi dụng quyền hạn được đăng kiểm để nhận tiền của các chủ phương tiện, của người khác để làm trái quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ, gây bức xúc, mất niềm tin trong nhân dân. Các phương tiện không đủ điều kiện đăng kiểm nếu được đưa vào hoạt động có nguy cơ gây mất trật tự an toàn giao thông, gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe con người và tài sản của cá nhân, tổ chức. Vì vậy, cần có một mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo đều nhiều lần nhận hối lộ với số tiền từ 2.000.000 đồng trở lên, Trần Minh L bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, Lê Đình V bị áp dụng tình tiết định khung nên không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

Quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã chủ động nộp lại số tiền nhận hối lộ và khoản thu lợi bất chính đã được nhận, trong đó bị cáo L thu lợi 19.530.000đ, đã nộp tổng số tiền nhận hối lộ 776.520.000đ, bị cáo V thu lợi 6.540.000đ, đã nộp 100.000.000đ trên tổng số 324.000.000đ nhận hối lộ; Công đoàn Cục Đ6 có công văn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Lê Đình V có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, bị cáo có nhiều thành tích trong công tác, được Giám đốc công ty TNHH đăng kiểm xe cơ giới tỉnh Đ5 tặng Giấy khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018, 2021

và 2022, cha bị cáo là ông Lê Anh Đ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; bị cáo Trần Minh L có thời gian phục vụ trong quân đội, bị cáo có nhiều thành tích trong công tác, được Ban Chấp hành Liên đoàn lao động thành phố P tặng Giấy khen năm 2021, được Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty TNHH Đ2 tặng Giấy khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ các năm 2021, 2022, bị cáo là lao động chính, hiện đang nuôi mẹ là bà Nguyễn Thị L1 tuổi cao, sức yếu, nhiều bệnh tật. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Toà án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng cho các bị cáo là đúng pháp luật. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Toà án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ.

Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân cũng như các tình tiết của vụ án, Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Minh L 10 năm tù, Lê Đình V 04 năm tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo cung cấp tài liệu, chứng cứ mới, cụ thể: Trần Minh L có cha ruột là ông Trần Minh C là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh G, Công đoàn ngành giao thông vận tải tỉnh Gia Lai tặng Bằng khen, Giấy khen vì có nhiều thành tích trong công tác; mẹ ruột bị báo Trần Minh L là bà Nguyễn Thị L1 được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì, gia đình bị cáo có nhiều người thân là người có công với cách mạng; bị cáo Trần Minh L tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện trong các năm 2024, 2025 và được Hội Chữ thập đỏ tỉnh Gia Lai ghi nhận; bị cáo nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lê Đình V có tiền sử điều trị bệnh nhồi máu cơ tim cấp thành dưới; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo nộp hết toàn bộ số tiền nhận hối lộ còn lại 224.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước và nộp 200.000 đồng án phí sơ thẩm.

Tài liệu các bị cáo cung cấp thể hiện thái độ ăn năn hối cải, ý thức tôn trọng và chấp hành phán quyết của Toà án của các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo, đồng thời chấp nhận kháng cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm, giảm cho mỗi bị cáo một phần hình phạt để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, cũng như tạo điều kiện cho các bị cáo sớm có cơ hội trở lại làm người công dân có ích cho xã hội như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà. Số tiền các bị cáo nộp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm sẽ được khấu trừ trong giai đoạn thi hành bản án.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Trần Minh L, Lê Đình V không phải chịu.

[4]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng của bị cáo Lê Đình V. Phần biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng của bản án sơ thẩm có hiệu lực đối với bị cáo Lê Đình V.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Minh L, Lê Đình V. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 118/2025/HS-ST ngày 16/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về phần hình phạt đối với các bị cáo.

2.1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 354; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Minh L 09 (chín) năm tù về tội “*Nhận hối lộ*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 30/5/2023 đến ngày 12/01/2024.

2.2. Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 354; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Đình V 03 (ba) năm tù về tội “*Nhận hối lộ*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 30/5/2023 đến ngày 25/12/2023.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Minh L, Lê Đình V không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 118/2025/HS-ST ngày 16/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA; LT; phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Kiên